

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐỒNG NGHĨA VÀ ĐỒNG SỞ CHỈ - NHỮNG ĐIỂM ĐỒNG NHẤT VÀ KHÁC BIỆT

SYNONYMY AND CO-REFERENCE - SIMILARITIES AND DIFFERENCES
NGUYỄN TÚ QUYÊN

(TS; Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên)

Abstract: Synonymy and co-reference have many characteristics in common; however, they should be considered as two distinctive language phenomena. Essentially, synonymy is considered in semantics research while co-reference is considered in language usage research. Accurate distinction of the two research areas will offer a more comprehensive perspective of the two linguistic phenomena which are commonly used in daily life and literary works.

Key words: Synonymy and co-reference; similarities; difference.

Hiện tượng đồng nghĩa (SYNONYMY) “thuộc vào loại những vấn đề có tính chất “cổ điển” của ngôn ngữ học” [12, 67] và “không một cuốn sách ngôn ngữ học đại cương hay từ vựng - ngữ nghĩa nào lại không đề cập đến” [12,67]. Tuy nhiên, việc nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ dành “tâm sức” cho nó chưa phải là đã đem đến một lời giải thoả đáng về hiện tượng ngôn ngữ này.

Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi không có ý định tìm hiểu một cách kỹ lưỡng về hiện tượng đồng nghĩa mà chỉ dừng lại ở việc đưa ra quan niệm về nó, từ đó phân biệt nó với hiện tượng đồng sở chỉ - một hiện tượng ngôn ngữ được sử dụng rất phổ biến nhưng chưa được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ thống nhất về cách hiểu.

1. Quan niệm về hiện tượng đồng nghĩa và hiện tượng đồng sở chỉ

Hiện tượng đồng nghĩa là một khái niệm có nội dung rộng khắp. “Nó có thể xảy ra ở khắp các cấp độ ngôn ngữ” [12,70]. Tuy nhiên, vấn đề được các nhà ngôn ngữ học quan tâm nhiều nhất chính là hiện tượng đồng nghĩa ở các đơn vị từ vựng. Có thể nói, đến nay chưa có một định nghĩa chính thức được giới ngôn ngữ học thống nhất về các đơn vị từ vựng đồng nghĩa. Đã có nhiều định nghĩa về vấn đề này. Xin xem: [3,197], [6,195], [12,96], [13,95],

v.v...Nhìn chung, quan điểm về hiện tượng đồng nghĩa của các tác giả này không hoàn toàn giống nhau.

Các tác giả như Đỗ Hữu Châu, Vũ Đức Nghiệu, Nguyễn Đức Tồn quan niệm về hiện tượng đồng nghĩa từ vựng rất hẹp. Đó chỉ là “những từ tương đồng với nhau về nghĩa, khác nhau về âm thanh và phân biệt với nhau về một vài sắc thái phong cách nào đó hoặc đồng thời cả hai” [4;195]. Các từ này “thay thế được cho nhau trong những ngôn cảnh giống nhau mà ý nghĩa chung của ngôn cảnh không bị thay đổi về cơ bản”. [3;197]. Và để nhận diện chúng, có thể “sử dụng kết cấu đồng nhất “A là B” và đảo lại “B và A”” [12,91]. Theo quan niệm đó thì chỉ những từ như *chết, hy sinh, băng hà* hay những từ như *ăn, xoi, chén, ngón, v.v...* mới được các tác giả này cho là đồng nghĩa.

Trần Ngọc Thêm quan niệm rộng hơn [11,118 - 120]. Các đơn vị và biểu thức ngôn ngữ được tác giả coi là đồng nghĩa gồm 2 loại:

Loại thứ nhất: Các đơn vị mà từ vựng học quen gọi là nhóm đồng nghĩa thông thường, theo cách xác định như nhóm tác giả vừa được dẫn ở trên.

Loại thứ hai: Tất cả các biểu thức ngôn ngữ cùng sở chỉ một đối tượng cụ thể trong thực tế, ví dụ như các biểu thức *người đàn bà lực điền, chị chàng con mọn* trong *Tắt đèn* của Ngô Tất

Tổ được coi là đồng nghĩa vì cùng để chỉ nhân vật *chị Dậu*; hoặc các từ ngữ *tác giả, nghệ sĩ, người nghệ sĩ, nhà nhiếp ảnh, chủ nhân của những bức ảnh về cảnh sương mù Sa Pa nổi tiếng, chủ nhân của những hình ảnh chết đói năm 1945...* trong một tài liệu giới thiệu về cụ *Võ An Ninh* (18/6/1907 - 4/6/ 2009) là đồng nghĩa với nhau, vì cùng chỉ về chính cụ *Võ An Ninh*.

Quan điểm của chúng tôi dừng lại ở nhóm tác giả đầu: coi là từ đồng nghĩa chỉ ở những đơn vị từ vựng nào có mối liên hệ được xác định về nghĩa theo hệ thống nội bộ của chúng. *Chết, hi sinh và băng hà...*; *vợ và phụ nhân; đàn bà và phụ nữ* là ba nhóm từ đồng nghĩa.

Những hiện tượng *đồng nghĩa lâm thời* hoặc những biểu thức khác nhau về cấp độ cấu trúc nhưng cùng chỉ một sự vật trong thực tế, kiểu *người đàn bà lực điền, chị chàng con mọn, chị Dậu* có trong tác phẩm của Ngô Tất Tố đã dẫn ở trên, không được chúng tôi xếp vào phạm trù các từ *đồng nghĩa* mà coi đó là các hiện tượng của khu vực đồng sở chỉ.

2. Phân biệt hiện tượng đồng nghĩa và hiện tượng đồng sở chỉ

Từ quan niệm như trên, có thể nhận thấy hiện tượng đồng nghĩa và hiện tượng đồng sở chỉ có sự đồng nhất và khác biệt cơ bản như sau:

2.1. Những điểm đồng nhất cơ bản

- Các yếu tố ngôn ngữ được coi là *đồng nghĩa* và *đồng sở chỉ* đều phải cùng chỉ một sự vật hay hiện tượng cụ thể có nghĩa xác định. Ví dụ:

+ Để chỉ một nhân vật cụ thể như *Chí Phèo*, *Nam Cao* dùng các cách gọi: *hắn, mày, nó, cái thằng không cha không mẹ này, anh Chí, v.v...* Các biểu thức khác nhau được dùng để chỉ nhân vật này được gọi là các biểu thức đồng sở chỉ.

+ Để chỉ một hành động cụ thể là *đưa thức ăn vào miệng, nhai và nuốt xuống dạ dày*, ta có các từ biểu thị như: *ăn, xơi, đớp, hóc, v.v...* Các từ này là các từ *đồng nghĩa*.

- Giữa các yếu tố ngôn ngữ *đồng nghĩa* và các yếu tố *đồng sở chỉ* có thể có mức độ đồng nhất khác nhau về các nét nghĩa. Ví dụ:

+ Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Thúy Kiều* có lúc được gọi là *chị*, có lúc được tác giả gọi là *nàng*. *Chị* và *nàng* là hai biểu thức đồng sở chỉ và hai biểu thức này không hoàn toàn đồng nhất về các nét nghĩa: *Nàng* là từ dùng để chỉ hoặc gọi người phụ nữ trẻ tuổi, được yêu quý, tôn trọng; *Chị* là từ chỉ người con gái cùng một thế hệ trong gia đình, trong họ, nhưng thuộc hàng trên nói trong quan hệ với hàng dưới (em mình).

+ Từ *ăn* và từ *xơi* là hai từ đồng nghĩa nhưng khác nhau về sắc thái biểu cảm (đây là hai từ không hoàn toàn đồng nhất về các nét nghĩa. Chúng trùng nhau về nét nghĩa biểu vật nhưng không trùng nhau về nét nghĩa biểu thái).

2.2. Những điểm khác biệt cơ bản

Mặc dù hiện tượng đồng sở chỉ và hiện tượng đồng nghĩa có những điểm giống nhau nhưng xét về mặt bản chất, hai hiện tượng ngôn ngữ này lại có những điểm khác biệt cơ bản.

- *Tính hệ thống*: Chúng ta chỉ nhận diện được các biểu thức đồng sở chỉ khi chúng đi vào hoạt động trong lời nói. Ví dụ:

Các từ *anh, bố, con* nếu chưa đi vào hoạt động, ta không thể xác định được *sở chỉ* của chúng, tức là chưa biết chúng chỉ vào con người cụ thể nào. Nhưng trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, ta hoàn toàn có thể xác định được *sở chỉ* của chúng.

Chẳng hạn, có một người đàn ông tạm kí hiệu là A. Cụ thân sinh ra A gọi A bằng *con*, vợ A gọi A bằng *anh*, con A gọi A bằng *bố*. Ta nói, các từ *anh, con, bố* là những biểu thức đồng sở chỉ vì chúng đều chỉ vào A. Trái lại, đồng nghĩa là hiện tượng của mã ngôn ngữ. Các từ nằm trong hệ thống đồng nghĩa là vì giữa chúng có những mối liên hệ nội tại của ý (senses). Do vậy, chúng có nghĩa tự thân, và không cần nhúng vào trong bối cảnh lời nói vẫn nhận diện ra được. Chúng là các đơn vị của từ điển, của hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ. Chẳng hạn:

Khi nói đến hiện tượng con người mất khả năng sống, không còn biểu hiện của sự sống, ta có thể có các cách biểu thị như: *chết, hy sinh, tử, thiệt mạng*, v.v... Các từ này dù tồn tại ở trạng thái tĩnh nhưng rõ ràng, chúng ta vẫn xác định được mối quan hệ giữa chúng.

- *Phạm trù từ loại*: Hiện tượng đồng sở chỉ có thể xảy ra ở những từ, ngữ không cùng từ loại. Chẳng hạn như *danh từ* đồng sở chỉ với *đại từ*. Ví dụ:

Trong tác phẩm *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, từ *tôi* (đại từ) và từ *chị* (danh từ) là hai biểu thức đồng sở chỉ vì biểu thức từ này cùng được dùng để biểu thị nhân vật Quý.

Hiện tượng đồng nghĩa chỉ xảy ra khi các yếu tố ngôn ngữ đó cùng thuộc một từ loại. Chẳng hạn như *động từ* đồng nghĩa với *động từ*. Ví dụ: (8) *ăn* (động từ) đồng nghĩa với *xơi* (động từ).

Hay *danh từ* đồng nghĩa với *danh từ*. Ví dụ: (9) *lợn* (danh từ) đồng nghĩa với *heo* (danh từ).

- *Ngữ nghĩa*: Cơ sở của việc xác định hiện tượng đồng sở chỉ là ở nghĩa sở chỉ, tức là xem xét xem các yếu tố ngôn ngữ này được dùng để quy chiếu vào sự vật, đối tượng cụ thể nào. Chính vì thế, về mặt ngữ nghĩa, các yếu tố ngôn ngữ được coi là đồng sở chỉ không nhất thiết phải có cùng cấu trúc biểu niệm. Ví dụ:

Chị và *mày* là hai từ không có cùng cấu trúc biểu niệm:

+ *Chị* là từ dùng để gọi người con gái cùng một thế hệ trong gia đình nhưng thuộc hàng trên, xét trong quan hệ với em của mình [10,149].

+ *Mày* là từ dùng để gọi người ngang hàng hoặc hàng dưới, tỏ ý coi thường, coi khinh [10,594].

Nhưng trong tác phẩm “Tắt đèn”, hai từ này vẫn là hai từ đồng sở chỉ bởi chúng được hai nhân vật khác nhau dùng để gọi nhân vật Tý.

Cơ sở quan trọng của việc xác định hiện tượng đồng nghĩa là ở nghĩa biểu niệm, tức là xét xem các yếu tố ngôn ngữ này có những nét

nghĩa nào chung. Từ việc tìm ra các nét nghĩa chung, chúng ta mới xác lập được các từ đồng nghĩa. Ví dụ:

Vợ và *phu nhân* là hai từ đồng nghĩa.

+ *Vợ* là từ dùng để gọi người phụ nữ đã kết hôn, trong quan hệ với chồng [10,1088]

+ *Phu nhân* là từ dùng để gọi vợ người có địa vị cao trong xã hội [10,760].

Vậy, hai từ *vợ* và *phu nhân* là hai từ có cùng cấu trúc biểu niệm vì chúng có nét nghĩa chung là *chỉ người phụ nữ đã có chồng*.

3. Tóm lại, từ sự phân tích ở trên, có thể nhận thấy đồng nghĩa và đồng sở chỉ là hai hiện tượng ngôn ngữ có nhiều nét tương đồng nhưng không nên đồng nhất chúng. Suy cho cùng, đồng nghĩa thuộc về bình diện nghĩa học, còn đồng sở chỉ thuộc về bình diện dụng học. Việc xác định rạch ròi giữa hai bình diện nghiên cứu này sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn, sâu sắc hơn về hai hiện tượng ngôn ngữ vốn được sử dụng rất phổ biến trong đời sống hàng ngày cũng như trong tác phẩm văn chương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở ngữ dụng học*, tập 1, Nxb. ĐHSP Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2002), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Cao Xuân Hạo (1992), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb KHXH Hà Nội.
8. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (2004), *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
9. Hoàng Phê (chủ biên) (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng.
10. Trần Ngọc Thêm (1999), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Đức Tồn (2006), *Từ đồng nghĩa tiếng Việt*, Nxb KHXH Hà Nội.